

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HSST
Ngày: 24 – 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung
2. Ông Trần Thanh Huy

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại khuôn viên Lăng Thoại Ngọc Hầu, thuộc khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố D, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân thành phố Đốc xét xử lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 81/2019/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Vũ L, sinh ngày 20/5/1990; quê quán: thành phố D, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: tổ 16, khóm H, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ph, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ 02.

Tiền án: Ngày 07/3/2016, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang kết án 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không

Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/7/2019 đến nay; có mặt.

Bị hại: Lê Thanh B, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ 32, khóm C, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1964; địa chỉ: tổ 8, khóm V, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

- Nguyễn Hồng Ph, sinh năm 1961; địa chỉ: tổ 10, khóm T, phường S, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

- Trần Thị L1.

- Nguyễn Văn B1.

Bị cáo có mặt; ông B, bà H, ông Ph, bà L1, ông B1 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 22/6/2019, trong lúc đi ngang qua nhà bà Trần Thị L1 tại hẻm số 119, đường Louis Pastuer, tổ 15, khóm 1, phường Châu Phú A, thành phố D, tỉnh An Giang, bị cáo phát hiện anh Lê Thanh B đậu xe mô tô biển số 67L8-5179 trước cửa nhà bà L1, không ai trông giữ, xe mở sẵn khóa nên nảy sinh ý định trộm xe mang đi cầm lấy tiền mua ma túy sử dụng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi bà L1 ra trước nhà lấy đồ đang phơi mang vào thì thấy bị cáo đứng cạnh xe của anh B, thấy bà L1 thì bị cáo bỏ đi. Một lúc sau, sau nhiều lần quan sát không ai chú ý, không người qua lại, bị cáo lên xe mô tô biển số 67L8-5179 của anh B, quay đầu xe về hướng đường Louis Pastuer, rồi điều khiển xe đi. Nghe tiếng máy xe nổ, bà L1 liền chạy ra xem thì thấy bị cáo điều khiển xe mô tô chạy ra hướng đường Louis Pastuer nên truy hô. Lúc này, ông Nguyễn Văn B1, đang làm việc tại tiệm vá ép, bơm hơi trên đường Louis Pastuer nhìn thấy bị cáo đang điều khiển xe mô tô Wave màu đỏ chạy về hướng chợ Châu Thạnh. Sau khi đối chiếu với lời khai của bà L1 thì ông B1 xác định xe mô tô bị cáo điều khiển có đặc điểm giống với xe anh B bị mất. Về phía bị cáo, sau khi lấy được xe, bị cáo điều khiển xe đến nhà của bà Nguyễn Thị Thanh H, thuộc tổ 8, khóm Vĩnh Tây 2, phường Núi Sam, thành phố D để cầm. Bà H không đồng ý cầm do xe không có giấy tờ nên bị cáo hỏi mượn bà H 200.000 đồng, bà H đồng ý. Bà H không yêu cầu bị cáo trả 200.000 đồng cho bà.

Cơ quan điều tra xác định được xe mô tô biển số 67L8-5179 do ông Nguyễn Hồng Ph đứng tên chủ sở hữu. Ông Ph khai đã bán xe cho người khác, chưa làm thủ tục sang tên nên không tranh chấp.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu STEED, màu sơn đỏ, biển số 67L8-5179; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu STEED màu sơn đỏ, biển số 67L8-5179 (đã giao trả cho bị hại); 01 nón kết màu đen không nhãn hiệu; 01 áo vải dài tay, sọc caro nhiều màu, có chữ LEVI'S, 01 quần Jeans màu đen, lưng quần có chữ PARDA (thu giữ của Trần Vũ L).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 217/KL-ĐG ngày 28/6/2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố D, ghi nhận: 01 xe mô tô nhãn hiệu STEED, biển số 67L8-5179. Tỷ lệ sử dụng còn lại 50%, trị giá 3.000.000 đồng.

Ngày 17/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố D ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Trần Vũ L.

Cáo trạng số 80/CT-VKSCĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố bị cáo Trần Vũ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, bị cáo; bị hại B; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà H và ông Ph; những người làm chứng bà L1 và ông B1 có lời khai như nội dung nêu trên.

Tại phiên tòa,

Bị cáo có lời khai giống như lời khai trong quá trình điều tra. Bị cáo không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã ăn năn hối cải nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện tiếp tục chăm lo cho gia đình.

Thay mặt Hội đồng xét xử, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai những người được Tòa án triệu tập vắng mặt phiên tòa; công bố tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Phát biểu quan điểm luận tội, Kiểm sát viên giữ quan điểm truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động; được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Thị Thanh H không biết L đem xe mô tô gửi là tài sản lấy trộm, tự nguyện giao nộp nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Vũ L tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh khó khăn, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS, tuyên: tịch thu tiêu hủy 01 nón kết màu đen không nhãn hiệu; 01 áo

vải dài tay, sọc caro nhiều màu, có chữ LEVI'S, 01 quần Jeans màu đen, lưng quần có chữ PARDA.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ cơ sở nội dung vụ án, các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Bị cáo bị khởi tố hành vi trộm cắp tài sản xảy ra vào ngày 22/6/2019 tại khu vực hẻm số 119, đường Louis Pastuer, tổ 15, khóm 1, phường Châu Phú A, thành phố D, tỉnh An Giang, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh An Giang.

Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, nên không xem xét đến.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, ông B, bà H, ông Ph, bà L1, ông B1 vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của ông B, bà H, ông Ph, bà L1, ông B1 tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra gồm: Biên bản tiếp nhận nguồn tin tội phạm (bút lục 01); biên bản khám nghiệm và bản ảnh hiện trường (bút lục 37 đến 42); biên bản và bản ảnh nhận dạng Trần Vũ L (các bút lục 95 đến 97, 109 đến 111); Kết luận định giá tài sản số 217/KL-ĐG ngày 28/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự (bút lục 28); lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H, Ph; những người làm chứng L1, B1 và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 22/6/2019, phát hiện anh Lê Thanh B đậu xe mô tô biển số 67L8-5179 trước cửa nhà bà Trần Thị L1 thuộc hẻm 119 đường Louis Pasteur, tổ 15, khóm 1, phường Châu Phú A, thành phố D, tỉnh An

Giang, không ai trông giữ, xe trong tình trạng mở khóa sẵn nên bị cáo nảy sinh ý định trộm xe để mang đi cầm lấy tiền mua ma túy sử dụng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, sau nhiều lần quan sát khu vực không ai qua lại, bị cáo đã lén lút điều khiển mô tô biển số 67L8-5179 của anh B chạy vào nhà bà Nguyễn Thị Thanh H để cầm. Tại đây, bà H không đồng ý cầm nên bị cáo gửi lại xe và mượn bà H 200.000 đồng.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích đem bán lấy tiền mua ma túy sử dụng; xâm phạm quan hệ về sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 07/3/2016, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang kết án bị cáo 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích. Đến ngày 22/6/2019, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nên xem xét cần có hình phạt tương xứng.

[2.3] Xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thuộc thành phần lao động nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H không yêu cầu bồi thường; ông Ph không tranh chấp quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 67L8-5179 nên không đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án.

[2.6] Về xử lý vật chứng:

- Trong quá trình điều tra, Cơ quan tiến hành tố tụng đã trả lại xe mô tô biển số 67L8-5179 cho chủ sở hữu B là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 (một) nón kết màu đen không nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 (một) áo bằng vải, dài tay, sọc caro nhiều màu, có may hiệu LEVI’S; 01 (một) quần dài bằng Jean màu đen, lưng quần có may chữ PARDA; là trang phục của bị cáo,

không liên quá đến hành vi phạm tội, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, vật chứng không còn giá trị sử dụng. Xét tịch thu, tiêu hủy.

[3] Về án phí:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 38, khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo: Trần Vũ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Vũ L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam (ngày 24/7/2019).

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) nón kết màu đen không nhãn hiệu, đã qua sử dụng; 01 (một) áo bằng vải, dài tay, sọc caro nhiều màu, có may hiệu LEVI’S; 01 (một) quần dài bằng Jean màu đen, lưng quần có may chữ PARDA.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố D với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố D).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Vũ L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí, số tiền phải nộp vào công quỹ Nhà nước) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của Lê Thanh B, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Hồng Ph vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Cơ quan CSĐT cùng cấp;
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Quang Chân